

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5749/UBND - CN

Thanh Hoá, ngày 06 tháng 6 năm 2016

V/v hỗ trợ Nhà máy ô tô Veam về
thị trường tiêu thụ sản phẩm trên địa
bàn tỉnh Thanh Hóa.

Kính gửi:

- Sở Công Thương;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Giao thông vận tải;
- Sở Y tế;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa;
- Hiệp hội đá Thanh Hóa;
- Nhà máy ô tô Veam.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 181/2016/VM-CV ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Nhà máy ô tô Veam về việc hỗ trợ Nhà máy trong công tác tiêu thụ sản phẩm cho các đơn vị có nhu cầu mua xe trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Công văn số 1058/SCT-MĐT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Sở Công Thương về việc báo cáo đề xuất về đề nghị của Nhà máy ô tô Veam.

Trong các năm qua, sản xuất và doanh thu của Nhà máy ô tô Veam tăng trưởng khá, năm sau cao hơn năm trước; đặc biệt trong năm 2015, doanh thu đạt 1.274 tỷ đồng, tăng 162% so với năm 2014, nộp ngân sách đạt 222 tỷ đồng, tăng 191% so với năm 2014; chủng loại xe ô tô ngày càng đa dạng với tính năng, mẫu mã liên tục được cải tiến. Để hỗ trợ, tạo điều kiện cho Nhà máy phát triển thị trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, góp phần tăng tỷ trọng sản xuất công nghiệp, đơn vị hoàn thành Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 cũng như các năm tiếp theo và thực hiện Chiến lược thị trường dài hạn, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Ngô Văn Tuấn có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Yêu cầu các đơn vị trong tỉnh khi có nhu cầu mua xe ô tô, xe chuyên dụng: Xe cứu hỏa, xe ép rác, xe chở rác độc hại của Bệnh viện... bằng nguồn vốn ngân sách, ưu tiên lựa chọn các sản phẩm của Nhà máy ô tô Veam nếu giá cả hợp lý và đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu sử dụng (có danh mục sản phẩm kèm theo).

2. Giao UBND các huyện, thành phố, thị xã, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa, Hiệp hội đá Thanh Hóa, các tổ chức nghề nghiệp khác, thông báo đến các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn về các sản phẩm ô tô, xe chuyên dụng do Nhà máy ô tô Veam sản xuất để các doanh nghiệp tiếp cận thông tin, ưu tiên mua sắm khi có nhu cầu phù hợp.

3. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Nhà máy ô tô Veam xây dựng chuyên mục, phát hàng tuần trên truyền hình tỉnh trong Chương trình Khuyến công và Tiết kiệm năng lượng.

Văn phòng UBND tỉnh thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh để các đơn vị thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.



Ngô Hoàng Kỳ

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM CỦA NHÀ MÁY Ô TÔ VEAM
 (kèm theo Công văn số 5719/UBND-CN ngày 06/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên xe	Số loại	Tải trọng (Kg)	Thông số kỹ thuật									
				Tự trọng (Kg)	Trọng tải (Kg)	Kích thước xe (mm)	KT lồng thùng (mm)	Chiều dài cơ sở (mm)	Động cơ	Dung tích xi lanh (cm3)	Công suất (Ps)	Công thức bánh xe	Lốp trước/lốp sau
A	CÁC LOẠI XE TẢI, XE BEN												
1	VB100	Xe ben	990	2180	3300	4280x1700x2120	2330 x 1500 x 350	2200	D4BF	2476	83	4x2	6.00-14/5.50-13
2	VB125	Xe ben	1250	2280	3660	4450x1700x2170	2530 x 1500 x 410	2420	D4BF	2476	83	4x2	6.00-15/5.50-13
3	VB150	Xe ben	1490	2430	4050	4650x1700x2260	2730 x 1500 x 450	2620	D4BF	2476	83	4x2	6.00-16/5.50-13
4	VB200	Xe ben	1990				3200 x 1760 x 445		D4BH	2476	103	4x2	7.00-16/7.00-16
5	VT100	Mui bạt	990	2140	3325	5190x2000x2550	3305x1850x440/1570	2550	D4BF	2476	83	4x2	6.00-14/5.00-12
6		Thùng kín	990	2090	3275	5190x2000x2550	3305x1810x1570	2550	D4BF	2476	83	4x2	6.00-14/5.00-12
7	VT125	Mui bạt	1250	2190	3635	5450x2000x2550	3605x1850x445/1570	2750	D4BF	2476	83	4x2	6.00-14/5.00-12
8		Thùng kín	1250	2190	3635	5460x2000x2550	3605x1810x1570	2750	D4BF	2476	83	4x2	6.00-14/5.00-12
9	VT150	Mui bạt	1490	2350	4035	5620 x 2000 x 2550	3750 x 1810 x 700/1600	2850	D4BF	2476	83	4x2	6.50 - 16 /5.50 - 13
10		Thùng kín	1490	2250	3935	5620 x 2000 x 2550	3750 x 1810 x 1570	2850	D4BF	2476	83	4x2	6.50 - 16 /5.50 - 13
11	VT158	VT158TK	1490		3910	5570 x 1980 x 2560	2850 x 1810 x 1570	2970	D4BF	2476	83	4x2	6.50-16/5.50-13
12	VT201	Mui bạt	1990	2350	4535	5620 x 2000 x 2550	3750 x 1810 x 700/1600	2850	D4BF	2476	83	4x2	6.50 - 16 /5.50 - 13
13		Thùng kín	1990	2250	4435	5620 x 2000 x 2550	3750 x 1810 x 1570	2850	D4BF	2476	83	4x2	6.50 - 16 /5.50 - 13

14	VT200A	Mui bạt	1990	2140	4325	5500 x 2000 x 2590	3750 x 1810 x 680/1600	2970	D4BF	2476	83	4x2	6.50 - 16 / 5.50 - 13
15		Thùng kín	1990	2290	4415	5500 x 2000 x 2590	3750 x 1810 x 1570	2970	D4BF	2476	83	4x2	6.50 - 16 / 5.50 - 13
16	VT200-1	Mui bạt	1990	2805	4990	6265 x 2140 x 2980	4350 x 2000 x 510/1830	3360	D4BH	2476	103	4x2	6.50 - 16 (7.00 - 16) / 6.50 - 16 (7.00 - 16)
17		Thùng kín	1990	2805	4990	6295 x 2170 x 2980	4350 x 2000 x 1830	3360	D4BH	2476	103	4x2	6.50 - 16 / 6.50 - 16
18	VT252	Mui bạt	2400	2395	4990	5690 x 2000 x 2940	3850 x 1810 x 700/1930	2850	D4BF	2476	83	4x2	6.50 - 16 / 6.50 - 16
19		Thùng kín	2400	2395	4990	5690 x 2020 x 2920	3850 x 1850 x 1900	2850	D4BF	2476	83	4x2	6.50 - 16 / 6.50 - 16
20	VT250-1	Mui bạt	2490	3110	5795	6810 x 2080 x 2980	4880 x 1930 x 510/1830	3735	D4BH	2476	103	4x2	7.00 - 16 (7.50 - 16) / 7.00 - 16 (7.50 - 16)
21		Thùng kín	2490	2980	5665	6850 x 2090 x 2980	4885 x 1890 x 1805	3735	D4BH	2476	103	4x2	7.00 - 16 / 7.00 - 16
22	VT255	Mui bạt	2490	2805	5490	6230 x 2140 x 2980	4350 x 2000 x 510/1830	3360	D4BH	2476	103	4x2	7.00 - 16 / 7.00 - 16
23		Thùng kín	2490	2890	5575	6295 x 2170 x 2980	4350 x 2000 x 1830	3360	D4BH	2476	103	4x2	7.00 - 16 / 7.00 - 16
24	VT260	Mui bạt	1990	2805	4990	7920 x 2120 x 3090	6050 x 1960 x 760/1940	4300	D4BH	2476	103	4x2	7.50 - 16 / 7.50 - 16
25		Thùng kín	1800	2995	4990	7990 x 2200 x 3090	6050 x 2035 x 1930						7.50 - 16 / 7.50 - 16
26	VT350	Mui bạt	3490	3110	6795	6770 x 2110 x 2980	4880 x 1930 x 510/1830	3735	D4BH	2476	103	4x2	7.50 - 16 / 7.50 - 16
27		Thùng kín	3490	2980	6665	6800 x 2060 x 2980	4885 x 1890 x 1805	3735	D4BH	2476	103	4x2	7.50 - 16 / 7.50 - 16
28	VT 340S	Mui bạt	3490						D4BH	2476	103	4x2	7.50 - 16 / 7.50 - 16
29		Thùng kín	3490	3850	7535	8.010 x 2170 x 3040	6050 x 2030 x 1930	4300	D4BH	2476	103	4x2	7.50 - 16 / 7.50 - 16
30	VB350	Xe ben	3490	3350	6970	5225 x 1940 x 2560	3200x1760x515	2800	D4BH	2476	103	4x2	7.50 - 16 / 7.50 - 16
31	VT490A	Mui bạt	4990	3490	8675	7010 x 2270 x 3020	5095 x 2080 x 790/1870	3800	D4DB	3907	130	4x2	7.50 - 16 / 7.50 - 16
32	VT490A	Thùng kín	4990	3425	8610	7050 x 2230 x 2980	5095 x 2035 x 1870	3800	D4DB	3907	130	4x2	7.50 - 16 / 7.50 - 16
33	VT490	Mui bạt	4990	3690	8875	7910 x 2250 x 3040	6035 x 2080 x 790/1870	4500	D4DB	3907	130	4x2	7.50-16 (8.25-16) / 7.50-16 (8.25-16)

34	VT490	Thùng kín	4990	3725	8910DA	4990 x 2230 x 3040	6035 x 2035 x 1870	4500	D4DB	3907	130	4x2	7.50 - 16 / 7.50 - 16
35	VT650	Mui bạt	6490	3420	10105	7940 x 2270 x 3040	6035 x 2080 x 790/1870	4500	ZD30D1 3-3N	2953	130	4x2	8.25 - 16 / 8.25 - 16
36		Thùng kín	6490	3505	10190	7950 x 2280 x 3040	6035x2040x1870	4500	ZD30D1 3-3N	2953	130	4x2	8.25 - 16 / 8.25 - 16
37	VT650	VT650CS	-	2510	10200	7785 x 2120 x 2450	-	4500	ZD30D1 3-3N	2953	130	4x2	8.25-16/8.25-16
38	VB650	Xe ben	6315	3520	10030	5170 x 2050 x 2390	3170 x 1890 x 900	2800	ZD30D1 3-3N	2953	130	4x2	7.50 - 16 / 7.50 - 16
39	VT651	Mui bạt	6490	3040	9725	6950x2050x3050	5095 x 1880 x 790/1870	3800	ZD30D1 3-3N	2953	130	4x2	7.50 - 16 / 7.50 - 16
40		Thùng kín	6490	2970	9655	7010 x 2050 x 3000	5095 x 1880 x 1870	3800	ZD30D1 3-3N	2953	130	4x2	7.50 - 16 / 7.50 - 16
41	VT750	Mui bạt	7360	2670	11400	7770 x 2090 x 2420	-	4500	D4DB	3907	130	4x2	8.25-16/8.25-16
42		Thùng kín	7300	3720	11215	7990 x 2230 x 3070	6035x2040x1870	4500	D4DB	3907	130	4x2	8.25-16/8.25-16
43		VT750CS	-	2670	11400	7770 x 2090 x 2420	-	4500	D4DB	3907	130	4x2	8.25-16/8.25-16
44	New Mighty	New Mighty	7160	3145	10500	6840 x 2200 x 2430	4880 x 2060 x 380	4020	D4DB	3907	130	4 x 2	7.50-16/7.50-16
45		Mui bạt	7070	3235	10500	6960 x 2200 x 3060	5050 x 2060 x 700/1890	4020		3907	130	4 x 2	7.50-16/7.50-16
46		Thùng kín	7060	3235	10500	6960 x 2200 x 3060		4020		3907	130	4 x 2	7.50-16/7.50-16
47	VB980	Xe ben	7700	8160	15990	5980 x 2460 x 3160	3775 x 2050/2250 x 650/760	3300	YAMZ 236BE2 T-15	11150	250	4x2	11.00 - 20 / 11.00 - 20
48	VT1100	VT1100 MB	11000	12870	24000	12160 x 2500 x 3780	9495 x 2320 x 2355	6030 + 1400	YAMZ 238DE2T 19	14860	330	6x4	11.00-20 (12.00-20) / 11.00- 20 (12.00-20)
49	VB1110	Xe ben	11100	12770	24000	7560 x 2490 x 3090	4420x2260/2060x930/75 0	3350 + 1400	YAMZ 238DE2T 19	14860	330	6x4	12.00 - 20 / 12.00 - 20

B	CÁC LOẠI XE CHUYÊN DỤNG												
50	ĐK 36T	Maz 543203-220-750	36000/32570	7100	32570	6030 x 2500 x 3880	-	3550	YAMZ 236BE2 T-15	11150	250	4x2	11.00 - 20 /11.00 - 20
51	Xe cứu hộ	VT300CH	3890	5920	10005	8680 x 2320 x 2540	5820 x 2160	4700	D4DB	3907	130	4 x 2	7.50-16/7.50-16
52	Xe ép rác	VT500CT H	3530				thể tích thùng: 7m3		ZD30	2953	130		7.50-16/7.50-16
53	Cầu tự hành	VT500CT H	5850	10020	16000	9850 x 2500 x 3620	6400 x 2300 x 650	5600	YAMZ236	11150	250	4x2	11.00 - 20 /11.00 - 20
54	Cầu tự hành	VT1100CTH	9300			12160 x 2500 x 3160	8500 x 2320 x 650	6030 + 1400	YAMZ238	14860	330	6x4	11.00 -20/11.00 -20
55	Xe bồn trộn bê tông	7m3	12000				Thể tích hữu dụng:7m3		YAMZ238	14860	330	6x4	11.00-20/11.00-20